

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29/11/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chiến.

2. Ông Nguyễn Hoàng Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 29/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXX-ST ngày 25/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐ-ST ngày 11/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Dương Xuân T, sinh năm 1978.(Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1983.(vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Hiện đang lao động tại Đảo Síp)

Anh Dương Xuân T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị Hà Thị N ở Đảo Síp.

Địa chỉ cuối cùng của chị N ở Việt Nam: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 05/09/2019 Nguyên đơn anh Dương Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị N kết hôn ngày 08/02/2006. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong vợ chồng về chung sống với bố mẹ chồng tại thôn H, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn nên anh và chị N đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Đến năm 2017 thì chị N tự ý đi Đảo Síp lao động. Từ khi chị N đi Đảo Síp đến nay thì giữa anh và chị N không còn liên lạc và quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay chị N vẫn đang làm ăn tại đảo Síp (CYPRUS). Chị N vẫn thường xuyên liên lạc về bố mẹ đẻ chị N. Anh có hỏi bố mẹ chị N về địa chỉ cụ thể của chị N ở Đảo Síp nhưng bố mẹ chị N cố tình giấu địa chỉ của chị N và không cung cấp cho anh. Nên anh không có địa chỉ cụ thể của chị N ở Đảo Síp để cung cấp cho Tòa án.

Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Dương Gia L, sinh ngày 10/11/2006 và Dương Gia B, sinh ngày 26/01/2012. Hiện các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và đang ở cùng với anh. Vợ chồng ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả hai con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ngày 11/11/2019 cháu Dương Gia L trình bày: Cháu là con của bố Dương Xuân T, mẹ Hà Thị N. Hiện nay cháu đang ở với bố cháu. Cháu được biết bố cháu xin ly hôn mẹ cháu. Cháu không muốn bố mẹ ly hôn, nhưng bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với bố cháu là Dương Xuân T.

Tại đơn trình bày ngày 11/11/2019 cháu Dương Gia B trình bày: Cháu là con của bố Dương Xuân T, mẹ Hà Thị N. Hiện nay cháu đang ở với bố cháu. Cháu được biết bố cháu xin ly hôn mẹ cháu. Cháu không muốn bố mẹ ly hôn, nhưng bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với bố cháu là Dương Xuân T.

Bị đơn chị Hà Thị N hiện đang lao động tại Đảo Síp, vắng mặt tại phiên tòa.

Ngày 04/9/2019 và ngày 20/9/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị N là bà Hà Thị M, sinh năm 1956, trú tại: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà M thông báo cho chị N biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Dương Xuân T và chị Hà Thị N; yêu cầu chị N viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà M cung cấp địa chỉ cụ

thể của chị N ở Đảo Síp. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc bà M vẫn giữ nguyên quan điểm là Chị N ở Đảo Síp vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị N ở Đảo Síp cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị N, đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị N biết để chị gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị N gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Dương Xuân T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Hà Thị N vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh T, đơn trình bày của cháu Dương Gia L, cháu Dương Gia B; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của chị N là bà Hà Thị M và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu:

-Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

-Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Dương Xuân T, xử cho anh Dương Xuân T được ly hôn chị Hà Thị N; về con chung: Giao cho anh Dương Xuân T nuôi dưỡng hai con chung là Dương Gia L, sinh ngày 10/11/2006 và cháu Dương Gia B, sinh ngày 26/01/2012. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Chị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Dương Xuân T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị N là bà Hà Thị M để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà M thông báo cho chị Nhung biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Dương Xuân T và chị Hà Thị N; yêu cầu chị N viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà M cung cấp địa chỉ cụ thể của chị N ở Đảo Síp.

Bà M trình bày: Chị N vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ 2 mà bà M vẫn không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn chị Hà Thị N cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của

Tòa án thông báo cho chị N biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn chị Hà Thị N theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền: Anh Dương Xuân T là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Hà Thị N, chị N hiện đang lao động tại Đảo Síp nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 13738/A08 – P5 v/v cung cấp thông tin XNC ngày 27/8/2019 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), địa chỉ cuối cùng của chị N ở Việt Nam: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ Hôn nhân:

Anh T và chị N kết hôn ngày 08/02/2006 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh T trình bày: Sau khi kết hôn chị N về chung sống với gia đình anh tại thôn H, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn nên anh và chị N đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Đến năm 2017 thì chị N tự ý đi Đảo Síp lao động. Từ khi chị N đi Đảo Síp đến nay thì giữa anh và chị N không còn liên lạc và quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay chị N vẫn đang đi làm ăn tại đảo Síp (CYPRUS). Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị N.

Qua xác minh địa phương thì thấy: Anh Dương Xuân T và chị Hà Thị N kết hôn năm 2006. Khoảng năm 2013 thì địa phương được biết giữa anh T chị N phát sinh mâu thuẫn, chị N và anh T ly thân từ đó. chị N đã không còn ở nhà chồng từ năm 2013 cho đến nay. Địa phương cũng có nghe nói chị N đã đi nước ngoài lao động. Nay anh T xin ly hôn chị N thì chính quyền địa phương đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị N.

[4] Về con chung: Anh T chị N có 02 con chung là cháu Dương Gia L, sinh ngày 10/11/2006 và cháu Dương Gia B, sinh ngày 26/01/2012. Hiện nay hai cháu đang ở với anh T. Ly hôn, anh T đề nghị được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị N đang lao động ở nước ngoài, không trực tiếp chăm sóc hai con chung được.

Đồng thời cháu Dương Gia L và cháu Dương Gia B đều có đơn trình bày, nguyện vọng là được ở với bố Dương Xuân T. Nên hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cho anh T nuôi dưỡng cháu Dương Gia L, sinh ngày 10/11/2006 và cháu Dương Gia B, sinh ngày 26/01/2012. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Chị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản, công nợ: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Dương Xuân T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Xuân T được ly hôn chị Hà Thị N.

2. Về con chung: Giao cho anh Dương Xuân T nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Dương Gia L, sinh ngày 10/11/2006 và cháu Dương Gia B, sinh ngày 26/01/2012. Chị N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Dương Xuân T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000420 ngày 29/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ.

4. Anh Dương Xuân T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

5. Chị Hà Thị N hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Văn Nhiên